

Bản án số: 35/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 24-7-2024

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Khánh

Ông Mai Văn Du

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Văn Thoảng là thư ký của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng:** Bà Trần Lê Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 47/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 82/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2024, giữa:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Thanh V, sinh năm: 1984; Địa chỉ cư trú: P, khu A, chung cư P, tổ A, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng; có mặt tại phiên tòa.

- **Bị đơn:** Bà Hồ Thị Hồng H, sinh năm: 1987; Địa chỉ cư trú: P, khu A, chung cư P, tổ A, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 16/01/2024, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Hồ Thị Hồng H tự nguyện kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 113/2011, quyển số 01/2011 đăng ký ngày 29/8/2011). Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với gia đình vợ tại phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng, sau đó vợ chồng sống riêng tại chung cư P, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ

năm 2021, nguyên nhân là do bà **H** giấu ông lấy tiền tiết kiệm của vợ chồng để làm ăn bên ngoài, làm gì thì bà **H** không cho ông biết, sau đó việc làm ăn thua lỗ nên vợ chồng xảy ra lời qua tiếng lại. Tuy nhiên, vì con nên ông bỏ qua mọi chuyện vợ chồng vẫn chung sống với nhau để nuôi con. Đến đầu năm 2024 bà **H** tiếp tục vay mượn tiền của nhiều người không có khả năng thanh toán, nhiều người đến nhà ông đòi nợ và ngày 07/01/2024 bà **H** bỏ nhà đi từ đó cho đến nay, bà **H** không liên lạc gì với ông và gia đình. Nay ông nhận thấy vợ chồng không tin tưởng nhau, không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên ông yêu cầu giải quyết cho ông được ly hôn với bà **Hồ Thị Hồng H**.

Về con chung: Ông **V** xác nhận vợ chồng có 01 con chung tên là **Nguyễn Thị Nhã U**, sinh ngày 14/12/2013. Ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà **H** cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Ông **V** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông **V** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn bà **Hồ Thị Hồng H***: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà **Hồ Thị Hồng H** không có mặt tại Tòa án để tham gia hòa giải và không có bản tự khai gửi Tòa án. Sau khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đến phiên tòa nhưng bà **Hồ Thị Hồng H** vẫn vắng mặt không có lý do. Đồng thời, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ cũng đã thông báo các văn bản tố tụng (như trên) trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng bà **Hồ Thị Hồng H** vẫn không đến Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ để giải quyết trong thời gian quy định.

* *Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa:*

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự quy định của pháp luật. Đối với các đương sự: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện về việc ly hôn, nuôi con chung của ông **Nguyễn Thanh V**.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ông **Nguyễn Thanh V** được ly hôn bà **Hồ Thị Hồng H**.

- Về con chung: Giao con **Nguyễn Thị Nhã U**, sinh ngày: 14/13/2013 cho ông **Nguyễn Thanh V** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà **Hồ Thị Hồng H** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông **Nguyễn Thanh V** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Ông **Nguyễn Thanh V** phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ông Nguyễn Thanh V khởi kiện về việc ly hôn và nuôi con chung đối với bà Hồ Thị Hồng H, có địa chỉ cư trú tại tổ A chung cư P, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

[1.2] Bị đơn bà Hồ Thị Hồng H được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Hồ Thị Hồng H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh V và bà Hồ Thị Hồng H tự nguyện kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng. Do đó, hôn nhân giữa ông Nguyễn Thanh V và bà Hồ Thị Hồng H là hợp pháp.

Xét thấy: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo ông V, nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp, không tin tưởng lẫn nhau nên xảy ra lời qua tiếng lại, bà H giấu ông lấy tiền tiết kiệm của vợ chồng để làm ăn bên ngoài nhưng không nói cho ông V biết, sau đó việc làm ăn thua lỗ nên vợ chồng xảy ra lời qua tiếng lại. Tuy nhiên, vì con nên ông bỏ qua mọi việc vợ chồng vẫn chung sống với nhau để nuôi con. Đến đầu năm 2024 bà H tiếp tục vay mượn tiền của nhiều người và không có khả năng thanh toán, nhiều người đã đến nhà ông đòi nợ và ngày 07/01/2024 bà H đã bỏ nhà đi từ đó cho đến nay, bà H không liên lạc gì với ông và gia đình. Ngày 08/4/2024, Tòa án đã tiến hành xác minh tại nơi cư trú của ông V và bà H thì bà H đã không còn sinh sống tại địa phương khoảng hơn 04 tháng. Đồng thời, Tòa án đã niêm yết công khai và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng thông báo thụ lý vụ án, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà H vẫn không có mặt tại Tòa án để giải quyết. Xét mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân giữa ông V và bà H đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho ông Nguyễn Thanh V được ly hôn với bà Hồ Thị Hồng H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Ông V xác nhận vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Nhã U, sinh ngày: 14/12/2013. Ly hôn, ông V yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy: Hiện nay ông **V** là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu **Nguyễn Thị Nhã U**; ông **V** có chỗ ở, công việc và thu nhập ổn định. Đồng thời, cháu **U** cũng có nguyện vọng được ở với ông **V**. Vì vậy, giao con chung cho ông **Nguyễn Thanh V** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình. Do ông **V** không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Ông **Nguyễn Thanh V** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Ông **Nguyễn Thanh V** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Tại phiên tòa, quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn ông **Nguyễn Thanh V** phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Nguyễn Thanh V** đối với bà **Hồ Thị Hồng H** về việc ly hôn, nuôi con chung.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông **Nguyễn Thanh V** được ly hôn bà **Hồ Thị Hồng H**.

2. Về con chung: Giao con chung **Nguyễn Thị Nhã U**, sinh ngày: 14/12/2013 cho ông **Nguyễn Thanh V** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà **Hồ Thị Hồng H** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Ông **V** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Ông **V** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông **Nguyễn Thanh V** phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0000644 ngày 20/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Ông **Nguyễn Thanh V** đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

6. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- UBND phường Khuê Trung;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lệ Hằng

